



THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Tỷ lệ sinh của Việt Nam vẫn tiếp tục ở dưới mức sinh thay thế, đất nước đang trong thời kỳ “Cơ cấu dân số vàng” và nhóm dân số già đang tiếp tục tăng

HÀ NỘI, ngày 31 tháng 12 năm 2009 - Mười năm một lần, Việt Nam: tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở nhằm thu thập thông tin cơ bản về dân số và nhà ở trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phục vụ công tác đánh giá và xây dựng kế hoạch phát triển đất nước. “Các kết quả suy rộng mẫu” chủ yếu của cuộc Điều tra mẫu Tổng điều tra dân số và nhà ở (TĐT) năm 2009 được Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương công bố tại cuộc Họp báo ngày hôm nay.

Mức sinh của Việt Nam vẫn tiếp tục giảm trong 10 năm qua. Tổng tỷ suất sinh duy trì dưới mức sinh thay thế, đạt 2,03 con sinh ra sống trên một phụ nữ. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt về mức sinh giữa các vùng, miền: khu vực thành thị là 1,80; khu vực nông thôn là 2,15; thấp nhất là ở vùng Đông Nam bộ 1,69; và cao nhất là 2,65 ở vùng Tây Nguyên.

Tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam ở mức tương đối cao, đạt 111 bé trai trên 100 bé gái. Mặc dù con số này không có sự khác biệt lớn giữa thành thị và nông thôn nhưng số liệu cũng cho thấy tỷ số này đặc biệt cao ở vùng Đồng bằng sông Hồng (115 bé trai trên 100 bé gái). Tỷ số giới tính khi sinh cao nhất là ở Hưng Yên với 131 bé trai trên 100 bé gái. Số liệu này cho thấy những quan ngại về tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam là có cơ sở.

Theo kết quả suy rộng mẫu, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nam là 26,2 và của nữ là 22,8. So với kết quả TĐT năm 1999, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nam tăng một tuổi trong khi tuổi này của nữ không thay đổi. Cần có những phân tích sâu hơn để xác định những nhân tố góp phần tác động đến tuổi kết hôn của nam thanh niên.

So với cuộc TĐT 1999, tổng số người di cư trong nội tỉnh và giữa các tỉnh trong 5 năm trước thời điểm TĐT 2009 tăng lên đến 6,6 triệu người so với 4,5 triệu người năm 1999, chủ yếu là di cư giữa các tỉnh. Sự phát triển kinh tế của các khu đô thị, các khu công nghiệp và khu chế xuất góp phần làm tăng mức nhập cư.

Kết quả từ số liệu Điều tra mẫu cũng cho thấy Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, thời kỳ mà nhóm dân số trong độ tuổi lao động cao gần gấp đôi nhóm dân số trong độ tuổi “phụ thuộc”. So với kết quả của cuộc TĐT năm 1999, tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi giảm từ 33% năm 1999 xuống còn 25% năm 2009, trong khi tỷ trọng dân số của nhóm 15-59 tuổi tăng từ 58% năm 1999 lên 66%, và nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên tăng từ 8% năm 1999 lên 9% năm 2009. Thời kỳ này chỉ diễn ra một lần trong một thế hệ và thường chỉ kéo dài vòng 15 – 30 năm hoặc 40 năm (tùy thuộc vào việc kiểm chế mức sinh). Vì vậy, trong thời kỳ này, cần có các chính sách tạo nên một lực lượng lao động vàng, có chất lượng đưa đất nước phát triển.

Đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009, cả nước có 43,8 triệu người trong độ tuổi lao động đang làm việc, chiếm 51,1% dân số; trong đó thành thị có 11,9 triệu người (27%), nông thôn có 31,9 triệu người (73%), lao động nữ chiếm 46,6% tổng lực lượng lao động.

Nước ta cũng bắt đầu bước vào thời kỳ già hoá dân số. Chỉ số già hoá (biểu thị bằng số người từ 60 tuổi trở trên 100 người dưới 15 tuổi) đã tăng 11,4 điểm phần trăm sau 10 năm (từ 24,5% năm 1999 lên 35,9% năm 2009). Chỉ số già hoá của Việt Nam hiện nay cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Á (30%). Như vậy trong thời kỳ dân số vàng này, Việt Nam cũng cần có những chính sách phù hợp với sự già hoá dân số để đảm bảo an sinh xã hội cho người già, vì nhóm dân số già dễ bị tổn thương trước những khó khăn trong cuộc sống.

Kết quả suy rộng mẫu khẳng định mức chết của Việt Nam vẫn tương đối thấp. Tỷ suất chết thô là 6,7‰ và tỷ suất chết của trẻ em dưới một tuổi tính cho 12 tháng trước thời điểm Tổng điều tra là 16‰.

Cùng với mức sinh và chết giảm, tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh của Việt Nam đã tăng lên. Sau 10 năm, tuổi thọ đã đạt 72,8 tuổi, tăng 3,7 tuổi đối với dân số nam (từ 66,5 tuổi năm 1999 tăng lên 70,2 tuổi năm 2009) và 5,5 tuổi đối với dân số nữ (từ 70,1 tuổi năm 1999 tăng lên 75,6 tuổi năm 2009). Kết quả này khẳng định thành công của các chương trình chăm sóc sức khoẻ và phát triển xã hội trong vòng 10 năm qua.

Bên cạnh các chỉ tiêu nhân khẩu học, các chỉ tiêu văn hoá, lao động, việc làm và nhà ở cũng đã được công bố trong báo cáo kết quả suy rộng. Năm 2009, Lần đầu tiên TĐT thu thập thông tin về khuyết tật. Nếu tính tổng số lượt người của cả 4 loại khuyết tật, cả nước có 12,1 triệu lượt người khuyết tật, chiếm 15,5% dân số từ 5 tuổi trở lên. Con số này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập và duy trì cơ chế hỗ trợ cho người khuyết tật ở Việt Nam.

Kết quả suy rộng mẫu cũng cho thấy, đời sống của người dân Việt Nam đã có sự cải thiện. Cứ 10.000 hộ thì có khoảng 5 hộ không có nhà ở. (hoặc có nhà thì cũng không đủ điều kiện tối thiểu). Trong số những hộ có nhà ở, tỷ trọng nhà kiên cố chiếm 47%, nhà bán kiên cố chiếm 37,8%. Về hình thức sở hữu nhà ở, tỷ trọng nhà riêng của hộ chiếm 93%. Diện tích ở bình quân đầu người là 18,6m². Tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh là 87%, 96% số hộ có điện lưới thấp sáng, 87% số hộ có tivi. Tuy nhiên chỉ có 54% số hộ có hố xí hợp vệ sinh. Tỷ lệ này của khu vực thành thị là 88%, của khu vực nông thôn là 39%.

Thông tin dành cho biên tập viên

Báo cáo kết quả suy rộng mẫu được biên soạn trên cơ sở tổng hợp số liệu từ mẫu 15% của cuộc Tổng điều tra, được tiến hành 3 tuần đầu tiên của tháng 4 năm 2009. Báo cáo bao gồm 53 chỉ tiêu trong 10 nhóm chỉ tiêu ở cấp quốc gia, vùng và tỉnh. Các số liệu chi tiết tổng hợp theo tuổi và giới tính sẽ được công bố đầu năm 2010 trong "Báo cáo các kết quả chủ yếu".

Nếu cần thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương
6B, Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: (84-4) 38 230 100, 38 433 353, 38 463 462